

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUYỀN MỘC
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**
Bản án số: **71/2023/HNGĐ-ST**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày 27/7/2023
V/v: “*Ly hôn, tranh chấp con
chung khi ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Tỉnh.

Các Hội thẩm nhân nhân: 1. Bà Nguyễn Thị Nga
2. Ông Nguyễn Ngọc Khanh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phùng Thị Trang – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Trần Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 407/2022/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp con chung khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023; quyết định hoãn phiên tòa số 39/2022/QĐST – HNGĐ ngày 07/7/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trịnh Văn H1, sinh năm: 1966 (có mặt)
Địa chỉ: Số 204 ấp Thạnh Sơn 2A, xã Phước Tân, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
2. *Bị đơn:* Bà Bùi Thị Ch2, sinh năm: 1976 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Thạnh Sơn 2A, xã Phước Tân, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2022 và các biên bản làm việc tiếp theo tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Trịnh Văn H1 trình bày như sau:

Ông Trịnh Văn H1 và bà Bùi Thị Ch2 quen biết và tìm hiểu nhau, sau một thời gian tìm hiểu đã tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 1999 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Thuận, huyện Xuyên Mộc vào năm 1999 và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn năm 1999. Việc chung sống với nhau và đăng ký kết hôn là tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống

hạnh phúc nhưng đến năm 2009 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau, ông H1 và bà Ch2 đã tìm phương án góp ý và sửa đổi nhưng mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Vì thương con nên ông H1 chịu đựng hy vọng bà Ch2 sẽ thay đổi nhưng không có kết quả. Từ cuối năm 2016 đến nay khi mâu thuẫn trầm trọng xảy ra vợ chồng đã sống không còn quan hệ tình cảm và kinh tế, hai vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau, việc ai người đó làm. Ông H1 đã nhiều lần tìm bà Ch2 nói chuyện với bà Ch2 khuyên can để giải quyết mâu thuẫn giúp bà Ch2 về đoàn tụ gia đình chăm sóc con cái, nuôi con để xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng không có kết quả. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông H1 yêu cầu ly hôn với bà Bùi Thị Ch2 để có điều kiện xây dựng cuộc sống mới.

Về con chung: ông Trịnh Văn H1 và bà Bùi Thị Ch2 có 02 con chung là cháu Trịnh Thị Tuyết Nhung, sinh ngày 04/5/1999 hiện đã thành niên và cháu Trịnh Thị Yên Nhi, sinh ngày 28/02/2008, hiện nay cháu Nhin đang sống cùng với ông H1, ông H1 yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu bà Ch2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Bùi Thị Ch2 vắng mặt trong quá trình tham gia tố tụng, không có ý kiến gửi Tòa án.

Phát biểu quan điểm của kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, là đúng trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn vắng mặt hai phiên tòa là chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Qua xem xét nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng, thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp:*

Trong quá trình tham gia tố tụng, bà Bùi Thị Ch2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa 02 lần nhưng bà Ch2 đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy xét xử vắng mặt bà Ch2 là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là “*Ly hôn, tranh chấp con chung khi ly hôn*” giữa ông Trịnh Văn H1 với bà Bùi Thị Ch2 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa bà ông Trịnh Văn H1 với bà Bùi Thị Ch2 bắt đầu từ năm 1999 có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Phước Thuận nên quan hệ hôn nhân hợp. Sau khi đăng ký kết hôn, hai người chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn ông H1 cho rằng cuộc sống chung vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình hai người không hợp nhau, nên hay xảy ra xung đột và cãi vã lẫn nhau. Ngoài ra còn nguyên nhân về kinh tế khiến cho vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn.

Xét yêu cầu của ông H1 cho thấy sau khi mâu thuẫn xảy ra, lẽ ra bà Ch2 và ông H1 phải cùng tìm nguyên nhân để hàn gắn vợ chồng và xây dựng gia đình nhưng mâu thuẫn kéo dài từ năm 2016 đến nay mạnh ai nấy sống từ khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Sau khi ông H1 gửi đơn đến Tòa án đã tiến hành nhiều phiên hòa giải để đoàn tụ vợ chồng nhưng không có kết quả vì lý do ông H1 kiên quyết ly hôn để xây dựng cuộc sống mới, còn bà Ch2 vắng mặt. Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng của bà Ch2 và ông H1 thực sự không còn tình trạng hôn nhân nhân trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài vì trong giai đoạn này là sự quyết liệt ly hôn của ông H1 và sự phó mặc và đồng ý ly hôn của bà Ch2 cho chính quan hệ hôn nhân đang rạn nứt của mình thì cơ hội đoàn tụ vợ chồng là không có. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H1.

[3]. *Về con chung*: Ông H1 và bà Ch2 02 con chung là con chung là Trịnh Thị Tuyết Nhung, sinh ngày 04/5/1999 hiện đã thành niên và cháu Trịnh Thị Yến Nhi, sinh ngày 28/02/2008, hiện nay cháu Nhi đang sống cùng với ông H1, ông H1 yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu bà Ch2 cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của ông H1 cho thấy, khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng sống ly thân ông H1 vẫn trực tiếp nuôi dưỡng con chung, khi giải quyết vụ án bà Ch2 vắng mặt tại các phiên hòa giải tiếp theo và các phiên tòa, khi được hỏi nguyện vọng của mình thì cháu Nhi muốn ở với ông H1, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của pháp luật cũng như điều kiện tốt nhất cho cháu Nhi phát triển về mặt thể chất cũng như tinh thần, cần để cháu Nhi cho ông H1 tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, ông H1 không yêu cầu bà Ch2 cấp dưỡng nuôi con.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông H1 không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 ông H1 phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ông Trịnh Văn H1 được ly hôn với bà Bùi Thị Ch2.

2. Về con chung: Ông Trịnh Văn H1 và bà Bùi Thị Ch2 có Trịnh Thị Tuyết Nhung, sinh ngày 04/5/1999 hiện đã thành niên và cháu Trịnh Thị Yến Nhi, sinh ngày 28/02/2008, hiện nay cháu Nhi đang sống cùng với ông H1.

Ông Trịnh Văn H1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trịnh Thị Yến Nhi, sinh ngày 28/02/2008 và bà Ch2 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi dưỡng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc chăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi có lý do chính đáng, có thể yêu cầu cấp dưỡng và mức cấp dưỡng có thể thay đổi.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Ông Trịnh Văn H1 phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân & Gia đình ông H1 đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011512 ngày 30/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc. Như vậy ông H1 đã nộp đủ án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận hoặc được niêm yết bản án.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

